

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 279/2025/DS-ST

Ngày: 21-4-2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyên.

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 957/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2025/QĐST-DS ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

- NgU đơn: Bà Phan Thị CC, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: B1/1 Khu phố 2, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U

Cùng địa chỉ: B4/30, khu phố 2, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được hòa giải ngU đơn bà Phan Thị CC trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước; Vào ngày 28/02/2020, bà Phan Thị CC có cho vợ chồng bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U mượn số tiền là 3.563.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng), mục đích bà T và ông U mượn tiền để làm ăn; các bên có làm giấy mượn tiền, thời hạn vay mượn tiền là 12 tháng tính từ ngày 28/02/2020.

Bà Phan Thị CC đã giao bằng tiền mặt đầy đủ (có giấy giao nhận tiền) cho vợ chồng bà T và ông U.

Sau thời hạn vay 12 tháng như thỏa thuận cho đến nay, vợ chồng bà T và ông U vẫn chưa thanh toán cho bà Phan Thị CC số tiền đã mượn. Rất nhiều lần liên hệ và tìm

gặp để đòi lại số tiền trên nhưng vợ chồng bà T và ông U trốn tránh nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên cho bà Phan Thị CC.

Nhận thấy việc làm của bà T và ông U đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị CC theo quy định của pháp luật. Bà Phan Thị CC đã tiến hành khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Để đảm bảo và làm tin cho khoản vay trên thì bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U có giao cho bà Phan Thị CC một tờ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số 797852763400433, hồ sơ gốc số 232/2009/UB-GCN do UBND huyện Bình Chánh cấp ngày 13/02/2009. Nay ngU đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U liên đới trả cho bà Phan Thị CC số tiền 3.563.000.000 đồng. Rút yêu cầu tính lãi suất; chỉ yêu cầu trả số nợ gốc.

Bà Phan Thị CC cam kết số tiền cho bà T và ông U vay là tài sản riêng của bà, không liên quan đến ai.

Đối với giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số 797852763400433, hồ sơ gốc số 232/2009/UB-GCN do UBND huyện Bình Chánh cấp ngày 13/02/2009 mà vợ chồng bà T thế chấp cho bà CC, thì vào khoảng tháng 10 năm 2024 bà CC đã trả lại cho bà T và ông U (theo đề nghị của bà T và ông U); việc trả lại giấy tờ này không lập thành văn bản. Do đó đề nghị Toà án không xem xét giải quyết đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn: ông Nguyễn Thành U và bà Phan Thị T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiếp hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn; bị đơn nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tòa làm bản tự khai, tham gia buổi hòa giải công khai chứng cứ; và sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thì ngày 18/4/2025 bị đơn đến tòa làm bản tự khai với nội dung:

Vào khoảng năm 2006, vợ chồng ông U và bà T có vay của bà CC số tiền 400.000.000 đồng (không lập thành văn bản), vợ chồng ông U và bà T đã nhận đủ số tiền vay này; lãi suất khoảng 5%/tháng; vợ chồng ông U và bà T trả tiền lãi được khoảng 5 năm thì mất khả năng thanh toán từ đó cho đến nay.

Đến ngày 28/02/2020, bà Phan Thị CC cộng cả nợ gốc và nợ lãi thành số tiền 3.563.000.000 đồng và lập thành giấy mượn tiền và giấy nhận tiền mặt bắt ông U và bà T ký. ông U và bà T xác nhận chữ ký trên giấy mượn tiền và giấy nhận tiền mặt là chữ ký của ông U và bà T. Nhưng thực tế không có nhận tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngU đơn thì ông U và bà T không đồng ý. Nay ông U và bà T đồng ý trả lại cho bà CC số tiền đã mượn là 400.000.000 đồng và hỗ trợ thêm 400.000.000 đồng; Tổng cộng là 800.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Thành U xác nhận lời trình bày của bà T là đúng sự thật, ông biết bà T vay tiền của bà CC để làm ăn và trang trải trong gia đình; trên giấy vay mượn tiền dù ông không ký nhưng ông biết, chứng kiến vợ ông mượn tiền và ông đồng ý với việc mượn tiền của bà T. Ông U đồng ý trả lại cho bà CC số tiền đã mượn là 400.000.000 đồng và hỗ trợ thêm 400.000.000 đồng; Tổng cộng là 800.000.000 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của ngU đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Nguyễn Thành U và bà Phan Thị T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Bà Phan Thị CC cam kết khoản tiền cho ông Nguyễn Thành U và bà Phan Thị T vay là tài sản riêng của bà và chịu trách nhiệm với cam kết của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử không cần thiết đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thành U và bà Phan Thị T. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Thành U và bà Phan Thị T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; ngU đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành U và bà Phan Thị T và ngU đơn bà Phan Thị CC theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngU đơn: Yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U liên đới trả cho bà Phan Thị CC số tiền 3.563.000.000 đồng.

[2.1]. Căn cứ hợp đồng vay mượn tiền ngày 28/02/2020 giữa bà Phan Thị CC và bà Phan Thị T, ông Nguyễn Thành U với nội dung bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U mượn của bà Phan Thị CC số tiền 3.563.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng; Không thỏa thuận về lãi suất.

Căn cứ Giấy nhận tiền mặt lập ngày 28/02/2022; thể hiện bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U đã nhận đủ số tiền nêu trên.

Căn cứ vào sự xác nhận của ông U và bà T rằng chữ ký trên giấy mượn tiền và chữ ký trên giấy nhận tiền mặt thì có cơ sở xác định ông U và bà T có mượn bà CC số tiền 3.563.000.000 đồng và các bên đã giao nhận đủ tiền cho nhau.

[2.2] Đến hạn phải thanh toán nhưng bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Do đó, ngU đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U thanh toán số tiền đã vay là có cơ sở.

[2.3]. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”

Đồng thời tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa trả nợ của bên vay: *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngU đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã vay 3.563.000.000 đồng là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận;

[2.4] Các đương sự cho vay mượn tiền nhưng không thỏa thuận về lãi suất, Tại đơn khởi kiện có yêu cầu tính lãi suất 10%/năm; sau đó thì ngU đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất; do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất của ngU đơn.

[3] Tại bản tự khai bị đơn xác định; Vào khoảng năm 2006, vợ chồng ông U và bà T có vay của bà CC số tiền 400.000.000 đồng (không lập thành văn bản), vợ chồng ông U và bà T đã nhận đủ số tiền vay này; lãi suất khoảng 5%/tháng; vợ chồng ông U và bà T trả tiền lãi được khoảng 5 năm thì mất khả năng thanh toán từ đó cho đến nay.

Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ này thì bị đơn không thể cung cấp các chứng cứ về khoản vay số tiền 400.000.000 đồng và chứng cứ trả tiền lãi suất thì các đương sự không thể cung cấp.

[4]. Ông U và bà T trình bày, ngày 28/02/2020, bà Phan Thị CC cộng cả nợ gốc và nợ lãi thành số tiền 3.563.000.000 đồng và lập thành giấy mượn tiền và giấy nhận tiền mặt bắt ông U và bà T ký. Ông U và bà T xác nhận chữ ký trên giấy mượn tiền và giấy nhận tiền mặt là chữ ký của ông U và bà T. Nhưng thực tế không có nhận tiền.

Xét thấy, việc ông U và bà T ký tên trong giấy mượn tiền và giấy nhận tiền là sự tự nguyện; bởi nếu không tự nguyện thì bị đơn đã phản ứng hoặc trình báo với cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên từ năm 2020 đến nay bị đơn không có phản ứng gì đối với việc ký giấy mượn tiền ngày 28/02/2020 và cũng không có chứng cứ gì thể hiện sự ép buộc, cưỡng bức ký giấy mượn tiền nêu trên.

[5]. Ông Nguyễn Thành U xác nhận lời trình bày của bà T là đúng sự thật, ông biết bà T vay tiền của bà CC để làm ăn và trang trải trong gia đình; trên giấy vay mượn tiền, giấy nhận tiền mặt dù ông không ký nhưng ông biết và chứng kiến vợ ông mượn tiền, nhận tiền và ông đồng ý với việc mượn tiền của bà T. Ông U đồng ý trả lại cho bà CC số tiền đã mượn là 400.000.000 đồng và hỗ trợ thêm 400.000.000 đồng; Tổng cộng là 800.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này của bị đơn thì ngU đơn không đồng ý

[6]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, không có cơ sở nào xác định khoản vay 400.000.000 đồng và khoản vay 3.563.000.000 đồng là một; không có cơ sở chứng minh việc ký giấy mượn tiền và giấy nhận tiền mặt ngày 28/02/2020 là bị cưỡng ép, bắt buộc.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn, buộc bị đơn phải trả cho ngU đơn số tiền 3.563.000.000 đồng là có cơ sở.

[7]. Ông bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với ngU đơn nhưng ông vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do ngU đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu của ngU đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

TU xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1/.Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U liên đới trả cho Phan Thị CC số tiền 3.563.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu) đồng. Theo Giấy mượn tiền lập ngày 28/02/2022 và giấy nhận tiền mặt lập ngày 28/02/2022 giữa bà Phan Thị CC và bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U.

1.2/.Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của ngU đơn.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Thành U liên đới chịu 103.260.000 (Một trăm lẻ ba triệu, hai trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

2AAKKBQ*bijcaj+

Vũ Ngọc Chiến